



DANH MỤC VĂN P HỒNG PHẨM

(Kèm theo thư mời số 1024/TM-KSBT ngày 28 tháng 4 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách/Thông số tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhãn hiệu/xuất xứ hàng hóa	Số lượng	Đơn giá sau VAT	Thành tiền sau VAT
1	A grap lớn bấm giấy	Cái	Bấm kim số 3		9		-
2	A grap nhỏ bấm giấy	Cái	Bấm kim số 10		38		-
3	Băng keo 2 mặt (loại mỏng)	Cuộn	Băng keo 2 mặt loại mỏng rộng 2,3 cm		39		-
4	Băng keo 2 mặt (xốp)	Cuộn	Băng keo 2 mặt xốp, rộng 2,3cm		17		-
5	Băng keo trong 2.5cm	Cuộn	Băng keo 2,5cm		20		-
6	Băng keo dán gáy 3cm (màu)	Cuộn	Băng keo dán gáy 3cm (màu)		31		-
7	Băng keo trong lớn 5cm	Cuộn	Băng keo trong lớn 5cm		74		-
8	Băng keo trong nhỏ 1,2cm	Cuộn	Băng keo trong vòng nhỏ 1,25cm		65		-
9	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 5 phân	Cái	Gáy 5 phân		100		-
10	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 7 phân	Cái	Gáy 7 phân		95		-
11	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 10 phân	Cái	Gáy 10 phân		99		-
12	Bìa 3 dây mặt giấy gáy 20 phân	Cái	Gáy 20 phân		19		-
13	Bìa kiếng A4	Xấp	Khổ A4; 1.5mm		1		-
14	Bìa còng nhẵn 2 càng A4	Cái	Khổ A4; bên trong có 02 còng móc tài liệu		31		-

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách/Thông số tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhãn hiệu/xuất xứ hàng hóa	Số lượng	Đơn giá sau VAT	Thành tiền sau VAT
15	Bìa sơ mi có nắp	Cái	Khô 35 cm x 26 cm. Có nắp đậy 1 nút nhựa		635		-
16	Bìa sơ mi mỏng có lỗ	Xấp	Sơ mi đục lỗ, khổ A4 (Tập 100 tờ) Bề mặt có các đường vân chống dính,		26		-
17	Bìa trình ký VC 2 kẹp	Cái	Bìa trình ký VC 2 kẹp,		49		-
18	Bút lông đầu kim (viết ống nghiệm)	Cây	Bút lông đầu 2 đầu - Bút có thiết kế 2 đầu, (1 đầu bé 0,4mm, đầu to 1mm) - Chất lượng: Mực đậm, độ bền		77		-
19	Bút lông đầu đỏ (không bôi được)	Cây	Bút có 2 đầu bút kích thước: 0.8 mm và 6mm		60		-
20	Bút lông đầu xanh (không bôi được)	Cây	Bút có 2 đầu bút kích thước: 0.8 mm và 6mm		87		-
21	Bút lông đỏ (viết bảng)	Cây	Bề rộng nét viết 2.5 mm Số đầu bút 1		60		-
22	Bút lông xanh (viết bảng)	Cây	Bề rộng nét viết 2.5 mm Số đầu bút 1		101		-
23	Dao rọc giấy	Cái	Lưỡi 18mm; lưỡi dao sắc bén, vỏ bọc bằng nhựa cứng.		25		-
24	Dụng cụ bấm lỗ	Cái	Lỗ bấm các khổ giấy A4, A5, B5 vv.. có thể bấm lỗ được 20 tờ giấy.		8		-

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách/Thông số tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhãn hiệu/xuất xứ hàng hóa	Số lượng	Đơn giá sau VAT	Thành tiền sau VAT
25	Dụng cụ chuốt viết chì	Cái	Chất liệu nhựa GPPS; Dao và vít chuốt làm bằng thép; Dùng để chuốt bút chì gỗ, bút chì màu, sáp nhựa.		66		-
26	Dụng cụ tẩy viết chì (gôm)	Cục	Kích thước :3.6 cm x1.5 cm x1.3cm, tẩy siêu sạch, không bị dơ (bẩn) khi sử dụng.		126		-
27	Giấy A4 70 gsm	Gram	Khổ : 210mm x 297 mm; định lượng giấy nặng 70gram/m ² ,		147		-
28	Giấy A4 80gsm	Gram	Khổ : 210mm x 297 mm; định lượng giấy nặng 80gram/m ² ,		338		-
29	Giấy A4 làm bìa Màu 160g/m ²	Xấp/10 0 tờ	Khổ : 210mm x 297 mm; định lượng giấy nặng 160gram/m ² ,		56		-
30	Giấy A4 làm bìa Trắng 160gsm	Xấp/10 0 tờ	Khổ : 210mm x 297 mm; định lượng giấy nặng 160gram/m ² ,		2		-
31	Giấy A5 70 gsm	Gram	Khổ : 150mmx 200mm. Định lượng 70g/m ²		75		-



STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách/Thông số tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhãn hiệu/xuất xứ hàng hóa	Số lượng	Đơn giá sau VAT	Thành tiền sau VAT
32	Giấy có keo dán No 103	Xấp/10 tờ	Khổ A5 : 150mm x 200mm; Kích 36mm x 62mm		42		-
33	Giấy có keo dán No 107	Xấp/10 tờ	Khổ A5: 17mm x 50mm; Kích thước: 17mm x 50mm		61		-
34	Giấy dán tiện ích	Xấp	Miếng dán nhựa mũi tên (10mm x 42 mm) 5 màu		122		-
35	Giấy hộp (lau lam kính)	Hộp	Khổ : 8cm x 12cm x 24cm. Kích thước:180 tờ/hộp 2 lớp		120		-
36	Hộp đựng hồ sơ	Hộp	Kích thước 7cm x 26cm x 36cm		4		-
37	Kéo	Cây	Kích thước : 210mm		37		-
38	Kẹp bướm 51mm	Hộp	Kích thước 51mm		28		-
39	Kẹp bướm 41mm	Hộp	Kích thước 41mm		39		-
40	Kẹp bướm 32mm	Hộp	Kích thước 32mm		67		-
41	Kẹp bướm 25mm	Hộp	Kích thước 25mm		106		-
42	Kẹp bướm 19mm	Hộp	Kích thước 19mm		132		-
43	Kẹp giấy	Hộp	Kẹp giấy nhọn; Có thể kẹp được 10 tờ giấy		249		-
44	Kim bấm giấy lớn	Hộp	Kim bấm số 3		41		-
45	Kim bấm giấy nhỏ	Hộp	Kim bấm số 10		285		-
46	Ly mũ uống thuốc	Cái	Ly mũ uống thuốc tron (không có sóng), 50ml		20		-
47	Nẹp giấy	Hộp	Khổ 80 mm x 10 mm		10		-

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách/Thông số tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhãn hiệu/xuất xứ hàng hóa	Số lượng	Đơn giá sau VAT	Thành tiền sau VAT
48	Sáp đếm tiền	hộp	Trắng, 22g		16		-
49	Sổ cảnh bìa bóng	Cuốn	Kích thước :25cm x 33cm. 200 trang/cuốn		50		-
50	Sổ lưu hồ sơ ruột mũ	cuốn	Bìa nhựa 100 lá		12		-
51	Tập (loại 100 trang)	Cuốn	Tập 100 trang luôn bìa		46		-
52	Tập (loại 200 trang)	Cuốn	Tập 200 trang luôn bìa		34		-
53	Thước cây meca	Cây	Dài 50cm		9		-
54	Túi nhựa có miệng kéo 15cm	Kg	Túi có miệng kéo 15cm		7		-
55	Túi nhựa miệng kéo 20cm	kg	Túi có miệng kéo 20cm		8		-
56	Túi nilong loại 1kg	Kg	Nhựa PE		8		-
57	Bút bic đen	Cây	Đầu bi 0.8mm		102		-
58	Bút bic đỏ	Cây	Đầu bi 0.8mm		126		-
59	Bút bic xanh	Cây	Đầu bi 0.8mm		1.150		-
60	Bút chì 3B	Cây	Độ cứng ruột chì 3B; chiều dài bút 165mm; đường kính ruột Chì 1.5mm đến 2mm		118		-
61	Bút dạ quang	Cây	Đầu tròn 0.8 mm đầu dẹp 4 mm		106		-
62	Bút để bàn (có chân đế)	Cây	Bi: 0.5mm, mực xanh		15		-
63	Bút xóa kéo	Cây	Độ dài 8m x 5mm		53		-
64	Bút xóa mực trắng	Cây	12 ml		49		-
65	Máy tính tay 12 số	Cái	Màn hình 12 số		10		-



STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách/Thông số tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhãn hiệu/xuất xứ hàng hóa	Số lượng	Đơn giá sau VAT	Thành tiền sau VAT
66	Hồ dán (keo lỏng)	Chai	Dạng keo lỏng, dung tích 30ml		366		-
67	Bấm Kim 50LA	Cái	Bấm được 250 sheet (tờ)		2		-
68	Kim bấm 23/23	Hộp	23/23		3		-
TỔN CỘNG							

Ghi bản chữ :....

